TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2020/QĐST-HNGĐ	*Bến Cát, ngày 15 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1979.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T2, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số nhà 343, khu phố P, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thanh N, sinh năm 1998; địa chỉ: Số nhà 343, khu phố P, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Ngân hàng TMCP P; trụ sở chính: Số 41-45, đường L, phường B, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP P:

1) Ông Võ Duy K – Chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng – RB (XLN); bộ phận công tác: Trung tâm bán lẻ TPK; địa chỉ: Số 233, đại lộ D, phường P, thành phố T, tỉnh D.

2) Ông Đinh Việt Đ – Chức vụ: Giám đốc tín dụng RB; bộ phận công tác: Trung tâm bán lẻ TPK; địa chỉ: Số 37, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 38, 39, 40, 55, 60, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2020 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Ngọc T1 và ông Bùi Thanh T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T1 và ông Bùi Thanh T2 đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh Đ sinh ngày 27/12/2003 cho ông Bùi Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T2 không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Toà án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Đối với Bùi Thanh N, sinh năm 1998 đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Ngọc T1 được sở hữu xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Gentra biển số 61A-100.78, số máy F15S3200961K, số khung RLLSF69YD7H008642.

+ Ông Bùi Thanh T2 được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.167,4m^2 thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 32 tại khu phố P, phường H, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là nhà ở, nhà trọ và công trình phụ kèm theo (có bản vẽ kèm theo thể hiện phần đất ông T2 được quản lý, sử dụng).

Ông Bùi Thanh T2 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai đối với phần đất ông T2 được quyền quản lý, sử dụng.

+ Ông Bùi Thanh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc T1 số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về nợ chung: Ông Bùi Thanh T2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P theo Hợp đồng tín dụng số 0104/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 06/11/2019 giữa ông Bùi Thanh T2, bà Nguyễn Ngọc T1 và Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh D.

- Về án phí:

Ông Bùi Thanh T2 phải chịu 53.162.831 đồng (năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi mốt đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 12.800.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc T1 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042452 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà T1 phải nộp thêm số tiền là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Bùi Thanh T2 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042510 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ông T2 phải nộp thêm số tiền là 48.162.831 đồng (bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi mốt đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân phường H, thị xã B, tỉnh D.
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tiến